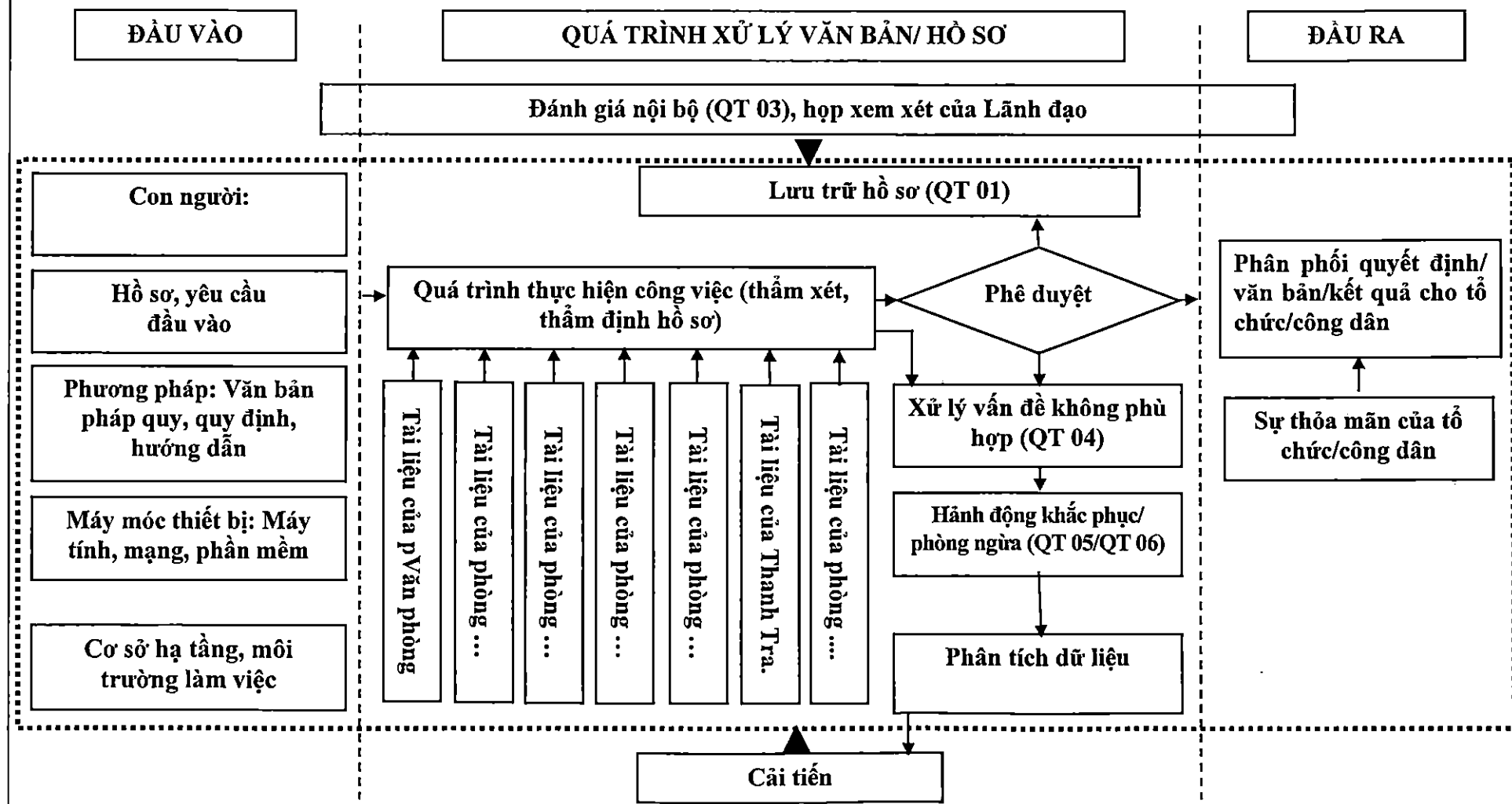


Nhận biết các quá trình hệ thống quản lý chất lượng của UBND huyện Nghi Xuân theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015



UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI XUÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN

Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại
Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
(Theo Quyết định số 5030/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 8 năm 2018 của UBND huyện)

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày 28/08/2018.

Nghi Xuân, ngày 28 tháng 08 năm 2018

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hải Nam

Số: 5030 /QĐ-UBND

Nghi Xuân, ngày 28 tháng 08 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND huyện Nghi Xuân

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Xét đề nghị của đại diện Lãnh đạo về chất lượng (QMR) huyện Nghi Xuân,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND huyện Nghi Xuân phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2017 của UBND huyện.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; đại diện Lãnh đạo về chất lượng (QMR); Ban chỉ đạo ISO hành chính của huyện; các ban ngành, đoàn thể cấp huyện; cán bộ, công chức các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Sở Khoa học & Công nghệ;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT; BCĐ ISO.

Gửi: Bản giấy và ĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hải Nam

Nghi Xuân, ngày 28 tháng 08 năm 2018

DANH MỤC

**Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn
TCVN ISO 9001:2015 tại UBND huyện Nghi Xuân**

(Ban hành theo Quyết định 5030/QĐ-UBND ngày 28/08/2018 của UBND huyện)

STT	TÊN TÀI LIỆU	MÃ SỐ	LẦN BAN HÀNH				GHI CHÚ
			1	2	3	4	
I.	LĨNH VỰC TƯ PHÁP	25 quy trình	QĐ 3186 ngày 31/10/2017				
	Lĩnh vực Hộ tịch	16					
1	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.TPHT.01	X				
2	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.TPHT.02	X				
3	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.TPHT.03	X				
4	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.TPHT.04	X				
5	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.TPHT.05	X				
6	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.TPHT.06	X				
7	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.TPHT.07	X				
8	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.TPHT.08	X				
9	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.TPHT.09	X				
10	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.TPHT.10	X				
11	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.TPHT.11	X				
12	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc cho người từ đủ 14 tuổi trở lên	QT.TPHT.12	X				
13	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.TPHT.13	X				
14	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.TPHT.14	X				
15	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT.TPHT.15	X				
16	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT.TPHT.16	X				
	Lĩnh vực Chứng thực	09					
1	Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT.TPCT.01	X				
2	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT.TPCT.02	X				

3	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT.TPCT.03	X				
4	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	QT.TPCT.04	X				
5	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QT.TPCT.05	X				
6	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QT.TPCT.06	X				
7	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	QT.TPCT.07	X				
8	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT.TPCT.08	X				
9	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT.TPCT.09	X				
II.	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH XÃ HỘI	40 quy trình		QĐ 1843 ngày 06/07/2016 QĐ 1844 ngày 06/07/2016 QĐ 1363 ngày 10/05/2018			
	Thủ tục không liên thông	20					
1	Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	QT.NCC.01	X				
2	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT.BHXX.01	X				
3	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật; người khuyết tật mang thai, nuôi con dưới 36 tháng tuổi)	QT.BHXX.02	X				
4	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT.BHXX.03	X				
5	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT.BHXX.04	X				
6	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT.BHXX.05	X				
7	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)	QT.BHXX.06	X				
8	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng	QT.BHXX.07	X				
9	Thực hiện hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng	QT.BHXX.08	X				
10	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT.BHXX.09	X				
11	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT.BHXX.10	X				
12	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT.BHXX.11	X				

13	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	QT.BHXXH.12	X				
14	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp	QT.BHXXH.13	X				
15	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	QT.BHXXH.14	X				
16	Áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội	QT.PCTNXH.01	X				
17	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT.PCTNXH.02	X				
18	Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	QT.PCTNXH.03	X				
19	Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	QT.PCTNXH.04	X				
20	Áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội	QT.PCTNXH.05	X				
	Thủ tục liên thông	20					
1	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu - chia.	QT.NCC.02	X				
2	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	QT.NCC.03	X				
3	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần	QT.NCC.04	X				
4	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	QT.NCC.05	X				
5	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	QT.NCC.06	X				
6	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.NCC.07	X				
7	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.NCC.08	X				
8	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	QT.NCC.09	X				
9	Giải quyết chế độ người HĐKC giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT.NCC.10	X				
10	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT.NCC.11	X				
11	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT.NCC.12	X				
12	Xét tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “ Bà Mẹ Việt Nam anh hùng”	QT.NCC.13	X				
13	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	QT.NCC.14	X				
14	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	QT.NCC.15	X				
15	Mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân	QT.NCC.16	X				
16	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	QT.NCC.17	X				
17	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT.NCC.18	X				
18	Lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình	QT.NCC.19	X				

19	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	QT.NCC.20	X				
20	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	QT.NCC.21	X				
III.	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG	39 quy trình	QĐ 1525 ngày 27/04/2015 QĐ 1963 ngày 14/07/2016 QĐ 3264 ngày 17/11/2016				
	Lĩnh vực Đất đai	26					
1	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	QT.ĐĐ.01	X				
2	Giao đất, cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.	QT.ĐĐ.02	X				
3	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	QT.ĐĐ.03	X				
4	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	QT.ĐĐ.04	X				
5	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được nhà nước giao đất để quản lý	QT.ĐĐ.05	X				
6	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu.	QT.ĐĐ.06	X				
7	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với trường hợp chủ sở hữu tài sản đồng thời là người sử dụng đất	QT.ĐĐ.07	X				
8	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	QT.ĐĐ.08	X				
9	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	QT.ĐĐ.09	X				
10	Đăng ký, bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận	QT.ĐĐ.10	X				
11	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở.	QT.ĐĐ.11	X				
12	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 mà bên nhận chuyển quyền sử dụng đất chỉ có Giấy chứng nhận của bên chuyển quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng, giấy tờ về chuyển quyền sử dụng đất theo quy định	QT.ĐĐ.12	X				
13	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	QT.ĐĐ.13	X				
14	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất hoặc cấp lại trang bổ sung do bị mất	QT.ĐĐ.14	X				
15	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	QT.ĐĐ.15	X				
16	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	QT.ĐĐ.16	X				

17	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng	QT.ĐĐ.17	X				
18	Bỏ lãnh hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm	QT.ĐĐ.18	X				
19	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	QT.ĐĐ.19	X				
20	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất	QT.ĐĐ.20	X				
21	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	QT.ĐĐ.21	X				
22	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	QT.ĐĐ.22	X				
23	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	QT.ĐĐ.23	X				
24	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	QT.ĐĐ.24	X				
25	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	QT.ĐĐ.25	X				
26	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	QT.ĐĐ.26	X				
	Lĩnh vực Tài nguyên nước	03					
1	Đăng ký khai thác nước dưới đất	QT.TNN. 01	X				
2	Xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường	QT.TNN. 02	X				
3	Đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản	QT.TNN. 03	X				
	Lĩnh vực Giao dịch bảo đảm	10					
1	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất	QT.GDBĐ.01	X				
2	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất đã được chứng nhận quyền sở hữu trên giấy chứng nhận	QT.GDBĐ.02	X				

3	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận	QT.GDBĐ.03	X				
4	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai không phải là nhà ở; đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai không phải là nhà ở	QT.GDBĐ.04	X				
5	Đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai	QT.GDBĐ.05	X				
6	Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký	QT.GDBĐ.06	X				
7	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp	QT.GDBĐ.07	X				
8	Xóa đăng ký thế chấp	QT.GDBĐ.08	X				
9	Sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp do lỗi của người thực hiện đăng ký	QT.GDBĐ.09	X				
10	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	QT.GDBĐ.10	X				
IV.	LĨNH VỰC XÂY DỰNG	17 quy trình	QB 1974 ngày 15/07/2016				
	Lĩnh vực Viễn thông	01					
1	Cấp giấy phép xây dựng đối với trạm BTS loại 2	QT.VT.01	X				
	Lĩnh vực Xây dựng	12					
1	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình không theo tuyến	QT.XD.01	X				
2	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình theo tuyến	QT.XD.02	X				
3	Cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị	QT.XD.03	X				
4	Điều chỉnh giấy phép xây dựng	QT.XD.04	X				
5	Gia hạn giấy phép xây dựng	QT.XD.05	X				
6	Cấp lại giấy phép xây dựng	QT.XD.06	X				
7	Cấp giấy phép xây dựng có thời hạn	QT.XD.07	X				
8	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình	QT.XD.08	X				
9	Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường	QT.XD.09	X				
10	Gia hạn giấy phép sử dụng tạm thời một phần vỉa hè, lòng đường	QT.XD.10	X				
11	Cấp giấy phép đào đường đô thị	QT.XD.11	X				
12	Gia hạn giấy phép đào đường đô thị	QT.XD.12	X				
	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng	04					
1	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới	QT.QH XD.01	X				
2	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch điểm dân cư nông thôn	QT.QH XD.02	X				
3	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch khu dân cư đô thị	QT.QH XD.03	X				
4	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất các dự án	QT.QH XD.04	X				
V.	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO, DU LỊCH	12 quy trình	QB 670 ngày 05/06/2018 QB 1554 ngày 25/05/2018				
	Lĩnh vực văn hóa cơ sở	06					
1	Cấp giấy phép kinh doanh karaoke	QT.VHCS.01	X				
2	Công nhận danh hiệu “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”	QT.VHCS.02	X				
3	Công nhận danh hiệu “Tổ dân phố văn hóa” và trưng	QT.VHCS.03	X				

4	Công nhận danh hiệu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	QT.VHCS.04	X				
5	Cấp giấy đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng (có từ 1000 đến dưới 2000 đầu sách)	QT.VHCS.05	X				
6	Phê duyệt Hương ước, quy ước của thôn, xóm, cụm dân cư	QT.VHCS.06	X				
	Lĩnh vực phát thanh-truyền hình và TTĐT	04					
1	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VTVIN.01	X				
2	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VTVIN.02	X				
3	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VTVIN.03	X				
4	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VTVIN.04	X				
	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	02					
1	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	QT.XBIPH.01	X				
2	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	QT.XBIPH.02	X				
VI.	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	04 quy trình	QĐ 2423 ngày 25/06/2015 QĐ 1364 ngày 19/05/2017				
	Lĩnh vực Nông nghiệp	03					
1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản	QT.NN.01	X				
2	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản (trường hợp giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận	QT.NN.02	X				
3	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết thời hạn hiệu lực)	QT.NN.03	X				
	Lĩnh vực Thủy lợi	01					
1	Cấp bù Thủy lợi phí	QT.TL.01	X				
VII.	LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG	14 quy trình	QĐ 535 ngày 23/02/2017 QĐ 1114 ngày 24/04/2017				
	Lĩnh vực Khí dầu mỏ hóa lỏng	02					
	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	QT.KDMHL.01	X				
2	Cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai	QT.KDMHL.02	X				
	Lĩnh vực An toàn thực phẩm	03					
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ	QT.ATTP.01	X				
2	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ	QT.ATTP.02	X				
3	Kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền cấp của UBND cấp huyện	QT.ATTP.03	X				
	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng	03					

1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	QT.CNTD.01	X				
2	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.CNTD.02	X				
3	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.CNTD.03	X				
	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	06					
1	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.	QT.LTHH.01	X				
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.	QT.LTHH.02	X				
3	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá.	QT.LTHH.03	X				
4	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ rượu.	QT.LTHH.04	X				
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ rượu.	QT.LTHH.05	X				
6	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ rượu.	QT.LTHH.06	X				
VIII.	LĨNH VỰC NỘI VỤ	35 quy trình	QĐ 2443 ngày 25/06/2015 QĐ 1227 ngày 27/04/2018				
	Lĩnh vực chính sách, tiền lương	04					
1	Chuyển chế độ chi trả đối với cán bộ xã già yếu nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP, 111-HĐBT (Trường hợp chuyển trong huyện)	QT.CSTL.01	X				
2	Chuyển chế độ chi trả đối với cán bộ xã già yếu nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP, 111-HĐBT (Trường hợp chuyển ngoại huyện thuộc tỉnh)	QT.CSTL.02	X				
3	Chuyển chế độ chi trả đối với cán bộ xã già yếu nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP, 111-HĐBT (trường hợp chuyển ra ngoài tỉnh)	QT.CSTL.03	X				
4	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cán bộ xã nghỉ việc theo quyết định số 130/CP - 111/HĐBT	QT.CSTL.04	X				
	Lĩnh vực Hội, Tổ chức phi chính phủ	05					
1	Công nhận Ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong huyện (/thành phố, thị xã), trong xã (/phường, thị trấn), dưới đây quy ước viết chung là "trong huyện, trong xã"	QT.HTCPCP.01	X				
2	Thành lập Hội có phạm vi hoạt động trong huyện, trong xã	QT.HTCPCP.02	X				
3	Chia, tách Hội có phạm vi hoạt động trong huyện, trong xã	QT.HTCPCP.03	X				
4	Sáp nhập Hội có phạm vi hoạt động trong huyện, trong xã	QT.HTCPCP.04	X				
5	Phê duyệt điều lệ Hội có phạm vi hoạt động trong huyện, trong xã	QT.HTCPCP.05	X				
	Lĩnh vực Tôn giáo	08					
1	Thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại Khoản 2 Điều 41 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	QT.TNTG.01	X				
2	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện, thành phố, thị xã	QT.TNTG.02	X				
3	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện, thành phố, thị xã	QT.TNTG.03	X				
4	Thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện, thành phố, thị xã	QT.TNTG.04	X				

5	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện, thành phố, thị xã	QT.TNTG.05	X				
6	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện, thành phố, thị xã	QT.TNTG.06	X				
7	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện, thành phố, thị xã	QT.TNTG.07	X				
8	Thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã, phường, thị trấn nhưng trong địa bàn một huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT.TNTG.08	X				
	Lĩnh vực thi đua – khen thưởng	18					
1	Đề nghị Chủ tịch UBND huyện tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”	QT.TĐKT.01	X				
2	Đề nghị Chủ tịch UBND huyện tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”	QT.TĐKT.02	X				
3	Đề nghị Chủ tịch UBND huyện tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”	QT.TĐKT.03	X				
4	Đề nghị Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen trong phong trào thi đua thường xuyên	QT.TĐKT.04	X				
5	Đề nghị Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen trong phong trào thi đua chuyên đề, đột xuất	QT.TĐKT.05	X				
6	Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”	QT.TĐKT.06	X				
7	Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Cờ thi đua	QT.TĐKT.07	X				
8	Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh”	QT.TĐKT.08	X				
9	Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen trong phong trào thi đua thường xuyên	QT.TĐKT.09	X				
10	Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen trong phong trào thi đua chuyên đề, đột xuất	QT.TĐKT.10	X				
11	Đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ	QT.TĐKT.11	X				
12	Đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”	QT.TĐKT.12	X				
13	Đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen	QT.TĐKT.13	X				
14	Đề nghị khen thưởng Huân chương Lao động các hạng	QT.TĐKT.14	X				
15	Đề nghị khen thưởng Huân chương Độc lập các hạng	QT.TĐKT.15	X				
16	Đề nghị phong tặng (truy tặng) danh hiệu “Anh hùng Lao động” cho tập thể, cá nhân	QT.TĐKT.16	X				
17	Đề nghị phong tặng hoặc truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	QT.TĐKT.17	X				
18	Đề nghị Chủ tịch nước cấp đôi, cấp lại hiện vật khen thưởng do hư hỏng, bị mất, bị thất lạc	QT.TĐKT.18	X				
IX.	LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO	35 quy trình	QĐ 1515 ngày 24/05/2018				
	Lĩnh vực Hệ thống văn bằng chứng chỉ	02					
1	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ bậc THCS	QT.HTVBCC.01	X				
2	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	QT.HTVBCC.02	X				
	Lĩnh vực GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	33					
1	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	QT.GDĐT. 01	X				
2	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT.GDĐT. 02	X				

3	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	QT.GDĐT. 03	X				
4	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	QT.GDĐT. 04	X				
5	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	QT.GDĐT. 05	X				
6	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	QT.GDĐT. 06	X				
7	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	QT.GDĐT. 07	X				
8	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	QT.GDĐT. 08	X				
9	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	QT.GDĐT. 09	X				
10	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	QT.GDĐT. 10	X				
11	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT.GDĐT. 11	X				
12	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT.GDĐT. 12	X				
13	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT.GDĐT. 13	X				
14	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	QT.GDĐT. 14	X				
15	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	QT.GDĐT. 15	X				
16	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	QT.GDĐT. 16	X				
17	Thành lập lớp năng khiếu thể dục thể thao thuộc trường tiểu học, trường trung học cơ sở	QT.GDĐT. 17	X				
18	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT.GDĐT. 18	X				
19	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT.GDĐT. 19	X				
20	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT.GDĐT. 20	X				
21	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT.GDĐT. 21	X				
22	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT.GDĐT. 22	X				
23	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QT.GDĐT. 23	X				
24	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học cơ sở	QT.GDĐT. 24	X				
25	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	QT.GDĐT. 25	X				
26	Quy trình đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã	QT.GDĐT. 26	X				
27	Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu	QT.GDĐT. 27	X				
28	Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở Giáo dục Mầm non công lập	QT.GDĐT. 28	X				
29	Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở Giáo dục Mầm non dân lập	QT.GDĐT. 29	X				
30	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	QT.GDĐT. 30	X				
31	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	QT.GDĐT. 31	X				
32	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	QT.GDĐT. 32	X				
33	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	QT.GDĐT. 33	X				
X.	LĨNH VỰC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	27 quy trình	QĐ 2026 ngày 27/05/2015 QĐ 2212 ngày 10/08/2016				
	Lĩnh vực đầu thầu	01					

	Thẩm định, phê duyệt kế hoạch đầu thầu	QT.ĐT.01	X				
	Lĩnh vực Đầu tư trong nước	03					
1	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi các dự án sử dụng vốn ngân sách huyện, vốn ngân sách nhà nước phân cấp cho UBND cấp huyện quyết định đầu tư	QT.ĐTTN.01	X				
2	Thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật các dự án sử dụng vốn ngân sách huyện, vốn ngân sách nhà nước phân cấp cho UBND cấp huyện quyết định đầu tư	QT.ĐTTN.02	X				
3	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án đầu tư có sử dụng đất	QT.ĐTTN.03	X				
	Lĩnh vực quản lý ngân sách nhà nước	01					
1	Thẩm định, phê duyệt thiết kế Bản vẽ thi công - Tổng dự toán công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước do UBND cấp huyện quyết định đầu tư	QT.QLNSNN.01	X				
	Lĩnh vực Thành lập và phát triển doanh nghiệp	05					
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT.TLPTDN.01	X				
2	Thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT.TLPTDN.02	X				
3	Tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh	QT.TLPTDN.03	X				
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT.TLPTDN.04	X				
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QT.TLPTDN.05					
	Lĩnh vực Thành lập và phát triển HTX	17					
1	Đăng ký thành lập hợp tác xã	QT.HTX.01	X				
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT.HTX.02	X				
3	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT.HTX.03	X				
4	Đăng ký khi hợp tác xã chia	QT.HTX.04	X				
5	Đăng ký khi hợp tác xã tách	QT.HTX.05	X				
6	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	QT.HTX.06	X				
7	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	QT.HTX.07	X				
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất, bị hư hỏng)	QT.HTX.08	X				
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất, bị hư hỏng)	QT.HTX.09	X				
10	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	QT.HTX.10	X				
11	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT.HTX.11	X				
12	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT.HTX.12	X				
13	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	QT.HTX.13	X				
14	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT.HTX.14	X				
15	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT.HTX.15	X				
16	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	QT.HTX.16	X				
17	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	QT.HTX.17	X				
XI.	LĨNH VỰC THANH TRA	03 quy trình	QB 881 ngày 16/03/2015				
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện	QT.TT.01	X				
2	Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện	QT.TT.02	X				
3	Giải quyết tố cáo tại cấp huyện	QT.TT.03	X				
XII.	LĨNH VỰC Y TẾ	07 quy trình	QB 3767 ngày 29/09/2015 QB 1696 ngày 08/06/2018				
1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm trong lĩnh vực y tế.	QT.YT.01	X				

2	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm trong lĩnh vực y tế.	QT.YT.02	X				
3	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế đối với tổ chức.	QT.YT.03	X				
4	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế đối với cá nhân	QT.YT.04	X				
5	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	QT.YT.05	X				
6	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	QT.YT.06	X				
7	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	QT.YT.07	X				
XIII.	LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI	15 quy trình	QP 3723 ngày 24/09/2015				
	Lĩnh vực đường bộ	06					
1	Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, quá khổ giới hạn, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ thuộc huyện quản lý.	QT.ĐB.01	X				
2	Cấp giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ thuộc huyện quản lý.	QT.ĐB.02	X				
3	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc huyện quản lý.	QT.ĐB.03	X				
4	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc huyện quản lý.	QT.ĐB.04	X				
5	Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc huyện quản lý.	QT.ĐB.05	X				
6	Gia hạn giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc huyện quản lý.	QT.ĐB.06	X				
	Lĩnh vực đường thủy	09					
1	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người trong trường hợp phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QT.ĐT.01	X				
2	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người trong trường hợp phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa.	QT.ĐT.02	X				
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người trong trường hợp trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật.	QT.ĐT.03	X				
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người trong trường hợp trong trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký.	QT.ĐT.04	X				

5	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người trong trường hợp trong trường hợp phương tiện chuyển quyền sở hữu đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký.	QT.ĐT.05	X				
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người trong trường hợp trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.	QT.ĐT.06	X				
7	Cấp lại giấy chứng nhận, đăng ký phương tiện thủy nội địa phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người trong trường hợp trong trường hợp phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.	QT.ĐT.07	X				
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người.	QT.ĐT.08	X				
9	Xoá đăng ký phương tiện thủy nội địa phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người trong trường hợp	QT.ĐT.09	X				
XIV.	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH	03 quy trình	QB 2416 ngày 26/08/2016				
	Lĩnh vực Tài chính - Ngân sách	03					
1	Quyết toán dự án hoàn thành (Dự án, tiêu dự án hoàn thành; hạng mục công trình hoàn thành; dự án dừng thực hiện vĩnh viễn đã có khối lượng thi công xây lắp) sử dụng vốn nhà nước thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện quyết định đầu tư.	QT.TCNS.01	X				
2	Quyết toán dự án quy hoạch sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn chưa có khối lượng thi công xây lắp sử dụng vốn nhà nước do UBND cấp huyện phê duyệt đề cương nhiệm vụ hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư.	QT.TCNS.02	X				
3	Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước do UBND cấp xã quyết định đầu tư (Đối với các dự án do UBND cấp xã đề nghị UBND cấp huyện thẩm tra).	QT.TCNS.03	X				

Tổng số: 14 Lĩnh vực; 276 Quy trình giải quyết thủ tục hành chính.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Số: 3364/QĐ-UBND

Nghi Xuân, ngày 22 tháng 06 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Mục tiêu chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn
Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND huyện Nghi Xuân**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Xét đề nghị của đại diện Lãnh đạo chất lượng (QMR) huyện Nghi Xuân,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Mục tiêu chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại UBND huyện Nghi Xuân với các nội dung sau:

1. 90% hồ sơ giải quyết nhanh hơn quy định, tỷ lệ vượt thời gian là 10%;
2. 100% hồ sơ liên quan đến thủ tục hành chính và hồ sơ công việc được lập Danh mục tài liệu và Danh mục hồ sơ;
3. Phấn đấu tỷ lệ khiếu nại và tố cáo bằng không;
4. Phấn đấu tỷ lệ sai, lỗi trong quá trình giải quyết công việc bằng không;
5. 100% cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan thấu hiểu và thực hiện theo Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 05/01/2017 của UBND huyện.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; đại diện Lãnh đạo về chất lượng (QMR); Ban chỉ đạo ISO hành chính huyện; các ban ngành, đoàn thể; cán bộ công chức các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định này để thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
 - Sở Khoa học & Công nghệ;
 - Thường trực Huyện ủy;
 - Thường trực HĐND huyện;
 - Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
 - UBND các xã, thị trấn;
 - Lưu: VT; BCĐ ISO.
- Gửi: Bản giấy và ĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MỤC TIÊU CHẤT LƯỢNG

(Theo Quyết định số 3364/QĐ-UBND ngày 22/06/2018
của UBND huyện)

Cán bộ công chức UBND huyện Nghi Xuân phấn đấu thực hiện nâng cao chất lượng cải cách hành chính, không ngừng thỏa mãn sự hài lòng của tổ chức và công dân khi sử dụng dịch vụ công cụ thể là:

1. 90% hồ sơ giải quyết nhanh hơn quy định, tỷ lệ vượt thời gian là 10%;
2. 100% hồ sơ liên quan đến thủ tục hành chính và hồ sơ công việc được lập Danh mục tài liệu và Danh mục hồ sơ;
3. Phấn đấu tỷ lệ khiếu nại và tố cáo bằng không;
4. Phấn đấu tỷ lệ sai, lỗi trong quá trình giải quyết công việc bằng không;
5. 100% cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan thấu hiểu và thực hiện theo Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Nghi Xuân, ngày 22 tháng 06 năm 2018

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Hải Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI XUÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3363 /QĐ-UBND

Nghi Xuân, ngày 22 tháng 06 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chính sách chất lượng phù hợp tiêu chuẩn
Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND huyện Nghi Xuân**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Xét đề nghị của đại diện Lãnh đạo chất lượng (QMR) huyện Nghi Xuân,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chính sách chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND huyện Nghi Xuân với nội dung: ***“Minh bạch về thông tin - Bình đẳng trước pháp luật - Văn minh, lịch sự trong phục vụ - Đúng pháp luật, đúng hẹn”***.

Để đáp ứng được điều này, UBND huyện cam kết:

1. Công khai, minh bạch các thủ tục hành chính trên các phương tiện thông tin, truyền thông; niêm yết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện để các tổ chức, cá nhân được biết.

2. Đảm bảo các thủ tục hành chính được giải quyết đúng quy trình, thời gian theo quy định của pháp luật.


3. Không ngừng hướng tới sự hài lòng, niềm tin của tổ chức, cá nhân thông qua việc thực hiện, duy trì có hiệu quả và cải tiến liên tục Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015.

4. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu, ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức khi thi hành công vụ và kỷ luật, kỷ cương hành chính, đảm bảo thực thi công việc theo đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn.


5. Cán bộ, công chức được làm việc trong môi trường thuận lợi để phát huy trí tuệ, năng lực, đạt năng suất và chất lượng cao trong thực thi công vụ.

6. Quy trình xử lý, giải quyết công việc hợp lý, rõ ràng, thống nhất, công khai và đúng pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, thay thế Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 05/01/2017 của UBND huyện.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; đại diện Lãnh đạo chất lượng (QMR); Ban chỉ đạo ISO hành chính của huyện; các ban ngành, đoàn thể; cán bộ, công chức các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định này để thi hành./. 

Nơi nhận:

- Như điều 2;
 - Sở Khoa học&Công nghệ;
 - Thường trực Huyện ủy;
 - Thường trực HĐND huyện;
 - Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
 - UBND các xã, thị trấn;
 - Lưu: VT; BCĐ ISO.
- Gửi: Bản giấy và ĐT.
- 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI XUÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG
(Theo Quyết định số 3363/QĐ-UBND ngày 22/06/2018
của UBND huyện)

Mọi việc làm của Lãnh đạo và cán bộ, công chức UBND huyện Nghi Xuân đều đảm bảo nguyên tắc và hướng tới phương châm:

**“CÔNG KHAI, MINH BẠCH-CÔNG TÂM, CHÍNH XÁC-
ĐÚNG PHÁP LUẬT, ĐÚNG HẸN”**

Để đáp ứng được điều này, UBND huyện Nghi Xuân cam kết:

1. Thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh.
2. Bộ máy, tổ chức tinh gọn, trong sạch. Cán bộ, công chức có đủ phẩm chất và năng lực để phục vụ tốt các tổ chức, công dân; thực hiện đổi mới công tác quản lý nhằm đóng góp vào công cuộc cải cách hành chính.
3. Cán bộ, công chức được làm việc trong môi trường thuận lợi để phát huy trí tuệ, năng lực, đạt năng suất và chất lượng cao.
4. Phối hợp, tăng cường chặt chẽ các mối liên hệ giữa các bộ phận, ngành chuyên môn có liên quan trong công tác quản lý nhà nước, đảm bảo kịp thời, chính xác và hợp pháp để thoả mãn yêu cầu ngày càng cao của tổ chức và công dân.
5. Quy trình xử lý, giải quyết công việc hợp lý, rõ ràng, thống nhất, công khai và đúng pháp luật, có hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Nghi Xuân, ngày 22 tháng 06 năm 2018

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hải Nam